

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI T&T VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ VẬN TẢI T&T VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&T VIET NAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: T&T VNICAT, JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108218178

3. Ngày thành lập: 06/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà số 6, ngách 9/24 phố Trần Quốc Hoàn, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
2.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ	2420
3.	Đúc kim loại màu	2432
4.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
5.	Sản xuất xe có động cơ	2910
6.	Sản xuất thân xe có động cơ, rô moóc và bán rô moóc	2920
7.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
8.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
9.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
10.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
11.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
12.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
13.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
14.	Tái chế phế liệu	3830
15.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
16.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
17.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, công trình cầu cảng; Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	4290

18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình	4330
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng	4511
22.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đấu giá)	4512
23.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4513
24.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: + Bảo dưỡng thông thường, + Sửa chữa thân xe, + Sửa chữa các bộ phận của ô tô, + Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, + Sửa tấm chắn và cửa sổ, + Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,	4520
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá)	4530
26.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4541
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá)	4543
28.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
29.	Bán buôn gạo	4631
30.	Bán buôn thực phẩm	4632
31.	Bán buôn đồ uống	4633
32.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
33.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
34.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
35.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác và chuẩn bị khai thác quặng bôxít. Khai thác quặng nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, krôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi.	0722

36.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: - Hoạt động khai thác mỏ để sản xuất ra các loại đá phục vụ việc xây dựng, cho điêu khắc ở dạng thô đã được đẽ gọt sơ bộ hoặc cưa cắt tại nơi khai thác đá như: đá phiến cẩm thạch, đá granit, sa thạch. - Hoạt động chẻ, đập vỡ đá để làm nguyên liệu thô cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đường ; - Hoạt động khai thác đá phân làm vật liệu chịu lửa ; - Hoạt động đập vỡ, nghiền đá. - Hoạt động khai thác cát, khai thác sỏi để phục vụ cho xây dựng và sản xuất vật liệu ; - Hoạt động khai thác cát phục vụ cho xây dựng. - Hoạt động khai thác đất sét, cao lanh ; - Hoạt động khai thác đất sét làm vật liệu chịu lửa, làm đồ gốm.	0810
37.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
38.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác, chế biến than, khoáng sản; Khai thác đất hiếm	0899
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản	0990
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Nhựa đường, than đá và nhiên liệu rắn khác, dầu thô, xăng dầu và các sản phẩm liên quan, nhựa đường, nhũ tương nhựa đường	4661
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn đồng, đồng đổi màu, chì, kim loại đổi màu, kim loại lạnh, đồng lạnh, đồng hủ, đá hủ sắt, đá đồ mồ hôi, đá hủ diêm, đá cháy, các loại đá thiên thạch - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu	4662

46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, hàng kim khí	4663
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn hóa chất tẩy rửa công nghiệp có tính chất hủy sắt	4669
48.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Kinh doanh mua, bán vàng trang sức, mỹ nghệ - Bán lẻ đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
49.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
50.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh. Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng	4932
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
53.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
54.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
55.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
57.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xúc đất, đá, than, khoáng sản (trừ khoáng sản nhà nước cấm)	5224
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	5610
60.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia (trừ quầy bar)	5630
61.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
62.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
63.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
64.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710

65.	Đại lý du lịch	7911
66.	Điều hành tua du lịch	7912
67.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
69.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ	2592
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu, cầu cảng; Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến	5222
71.	Xây dựng công trình công ích	4220
72.	Phá dỡ	4311
73.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
74.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
75.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
76.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
77.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
78.	Thu gom rác thải độc hại	3812

6. Vốn điều lệ: 199.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI THỊ DIỆU HƯƠNG	128 Phan Đăng Lưu, Thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	995.000	9.950.000.000	5,000	001186014607	
			Cổ phần phổ thông	995.000	9.950.000.000	5,000		
2	TRẦN HÙNG THỊNH	Số 33 ngõ 149 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.935.000	129.350.000.000	65,000	038076000056	
			Tổng số	12.935.000	129.350.000.000	65,000		

3	KHÔNG VĂN TRUNG	Thôn 1, Xã Đại Đồng, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	5.970.000	59.700.000.000	30,000	135416271	
			Tổng số	5.970.000	59.700.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **TRẦN HÙNG THỊNH**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *06/08/1976*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *038076000056*

Ngày cấp: *14/01/2014*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 33 ngõ 149 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 33 ngõ 149 Khương Thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội